

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2026/HS-ST

Ngày: 12-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Công Soạn và bà Đỗ Thị Kim Chinh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Vũ Tuấn Dũng - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh tham gia phiên toà:** Bà Võ Ngọc Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn D**, tên gọi khác: không có; sinh ngày 28 tháng 7 năm 2002 tại phường H, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu phố G, phường H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hồng Q và bà Vũ Thị M; vợ: Vũ Thị C (đã ly hôn); con: có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2026, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q – Phân trại tạm giam U; có mặt.

- **Người tham gia tố tụng khác:**

Người làm chứng: Ông Phạm Hồng Q, có mặt.

Người chứng kiến: Ông Đinh Văn U và ông Bùi Thành L, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 03/01/2026, Phạm Văn D điều khiển xe ô tô Ford Everest màu trắng, biển số 14K-034.67 từ phường K, thành phố Hải Phòng về phường H, tỉnh Quảng Ninh. Trên đường về, trong lúc dừng xe đi vệ sinh (không xác định được địa điểm), do có nhu cầu sử dụng ma túy, D gặp một thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ) và mua 01 gói ma túy loại Ketamine với giá 2.000.000 đồng. D

mang gói ma túy lên xe, sử dụng hết một phần, phần còn lại cất giấu vào túi quần bên trái với mục đích để sử dụng sau, rồi tiếp tục điều khiển xe đi về.

Khi về đến khu vực khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Ninh thì D bị lực lượng Công an yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Do lo sợ bị phát hiện, D điều khiển xe bỏ chạy. Đến khoảng 00 giờ 50 phút ngày 04/01/2026, D hạ cửa kính phía lái của xe ô tô, ném 01 túi ma túy xuống đường rồi tiếp tục điều khiển xe chạy thêm khoảng 500m thì bị lực lượng Công an dừng xe, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 túi nilon màu trắng do D ném xuống đường trong lúc bỏ chạy, được Công an truy đuổi thu giữ, kích thước (05 x 10) cm, bên trong chứa 1,02 gam ma túy loại Ketamine (theo Kết luận giám định số 69/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q); 01 điện thoại iPhone 16 Pro Max màu vàng, có gắn 01 sim; 01 xe ô tô Ford Everest màu trắng, biển số 14K-034.67.

Cơ quan điều tra đã thu giữ mẫu nước tiểu của D để giám định, kết quả cho thấy có tìm thấy các chất chuyển hóa của ma túy Ketamine (theo Kết luận số 70/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q).

Quá trình điều tra, Phạm Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên.

Tại Cáo trạng số: 64/CT-VKSKV2 ngày 09 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Quảng Ninh tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2026. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong mẫu vật hoàn lại sau giám định số 69/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động iPhone 16 Pro Max màu vàng, có gắn sim.

Bị cáo không tranh luận; lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố

tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Văn D, phù hợp với vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 50 phút ngày 04/01/2026, tại khu vực khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Ninh, Phạm Văn D đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,02 gam ma túy Ketamine mục đích để sử dụng thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Hình phạt chính:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý độc quyền chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trị an của xã hội tại địa phương, là một trong những nguyên nhân làm suy kiệt sức khỏe, kinh tế, tinh thần của người sử dụng, là nguyên nhân phát sinh một số loại tội phạm khác. Nhà nước nghiêm cấm hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy dưới mọi hình thức. Bị cáo là người đã trưởng thành, có năng lực nhận thức về tác hại của ma túy và sự nghiêm cấm của pháp luật nhưng do ý thức chấp hành kém, bị cáo đã cố ý phạm tội, cần phải xử lý nghiêm.

** Tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

** Tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng, được tặng thưởng nhiều huân huy chương nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích trên, căn cứ vào nhân thân, hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một

thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[3.2] Hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng, tài sản:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 69/KL-KTHS của Phòng K Công an tỉnh Q là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max gắn sim không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[5] Những tình tiết khác trong vụ án:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Phạm Văn D, quá trình điều tra xác định không cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi điều khiển xe mà trong cơ thể có chất ma túy của Phạm Văn D, Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật nên không đề cập giải quyết trong vụ án này.

Đối với ông Phạm Hồng Q là chủ sở hữu xe ô tô Ford Everest, biển số 14K-034.67, ông Q không biết Phạm Văn D sử dụng xe vào việc phạm tội; cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Q nên không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng bán ma túy cho D, quá trình điều tra không xác định được con người cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

[6] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Phạm Văn D phạm tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Phạm Văn D 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 04/01/2026.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ mẫu vật hoàn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì niêm phong số 69/KL-KTHS ngày 09/01/2026 của Phòng K Công an tỉnh Q.

Trả lại cho Phạm Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 16 Pro Max có gắn sim.

(Số vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng số 103/THADS-KV2 ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Quảng Ninh).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CQTHAHS CA tỉnh Quảng Ninh;
- CQCSĐT CA tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Ngô Thị Mây